

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH May Tùng Phương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương; Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương;*

*Xét Văn bản số 10243/STNMT-BVMT ngày 19/11/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương;*

*Xét Công văn số 223/CV-MTP ngày 22/11/2022 của Công ty TNHH may Tùng Phương về việc đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1042/Tr-STNMT ngày 25/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH may Tùng Phương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương thực hiện tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty TNHH may Tùng Phương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Quảng Trạch (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện**  
**Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2022 của  
 Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH may Tùng Phương.
- + Người đại diện: Chu Văn Hương.
- + Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ: BT 30, đường Chu Nguyên Lương, MBQH số 80, phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi: Dự án Nhà máy may Quảng Trạch được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 46.502,2 m<sup>2</sup>, trong đó, đất công trình xây dựng: 27.458 m<sup>2</sup>; đất cây xanh, thảm cỏ: 6.976,31 m<sup>2</sup>; đất sân đường, vỉa hè nội bộ: 12.067,89 m<sup>2</sup>.
- Quy mô sản xuất: 30.000.000 đôi đế giày thành phẩm/năm (Trong đó: Sản xuất gia công đế IP (EVA): 25.500.000 đôi/năm, đế RB 4.500.000 đôi/năm)

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Các hạng mục công trình: Nhà bảo vệ (01 tầng, 72m<sup>2</sup>); Nhà văn phòng (03 tầng, 672m<sup>2</sup>); Nhà xưởng A (02 tầng, 7.200m<sup>2</sup>); Nhà xưởng B (02 tầng, 7.200m<sup>2</sup>); Nhà xưởng C (02 tầng, 7.200m<sup>2</sup>); 02 Nhà vệ sinh (01 tầng, 120m<sup>2</sup>); Nhà khuôn mẫu (01 tầng, 192m<sup>2</sup>); 02 Nhà phân phối điện (01 tầng, 192m<sup>2</sup>); 02 Nhà máy khí nén (01 tầng, 192m<sup>2</sup>); 02 Nhà vệ sinh (01 tầng, 104m<sup>2</sup>); Nhà nồi hơi (01 tầng, 540m<sup>2</sup>); Kho nguyên liệu (01 tầng, 900m<sup>2</sup>); Khu XLNT (01 tầng, 324m<sup>2</sup>); bể PCCC và nhà bơm (01 tầng, 324m<sup>2</sup>); Kho hóa chất (01 tầng, 768m<sup>2</sup>); Nhà để phế thải (01 tầng, 341m<sup>2</sup>); Khu để xe (01 tầng, 525m<sup>2</sup>); 02 Nhà cầu (02 tầng, 120m<sup>2</sup>); và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.
- Hoạt động của dự án:
  - + Xây dựng các công trình phục vụ Dự án;
  - + Vận hành Dự án: Sản xuất gia công đế giày: đế IP (EVA) và đế RB.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, diện tích chuyển đổi 4,2 ha thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân,...phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải:**

##### *3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,55 m<sup>3</sup>/ngày (bao gồm nước rửa tay, chân: 1 m<sup>3</sup>/ngày; và nước nhà vệ sinh 0,42m<sup>3</sup>/ngày; nước thải nhà bếp 0,13m<sup>3</sup>/ngày). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lốp xe khoảng 3,6m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa 499m<sup>3</sup>/h. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải.

##### *3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:*

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục công trình gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC...

Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, ... Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC...

#### **3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

##### *3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 20 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng 524,6 tấn đất, đá, cát và 653,5 tấn vật liệu xây dựng khác (sắt, vôi vụn, nhựa, ván gỗ); chất thải vỏ bao bì ximăng 7,2 tấn.

### *3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 60 kg/giai đoạn thi công, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường tối đa 371 lít/giai đoạn thi công.

### *3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:*

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

## **3.2. Giai đoạn vận hành;**

### *3.2.1. Nước thải, khí thải:*

#### *3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 100,5 m<sup>3</sup>/ngày (nước thải tắm rửa: 50,3m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh 50,2m<sup>3</sup>/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình làm nguội nguyên liệu sản xuất đế cao su: 16,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải từ quá trình giặt đế giày eva: 6 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò gia nhiệt dầu: 4 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, ...

#### *3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:*

- Bụi từ quá trình sản xuất của nhà máy: khu vực trộn liệu, ép định hình, mài, khu vực hoạt động lò gia nhiệt, ... không liên tục, chỉ tác động trong phạm vi nhà xưởng. Thành phần gồm bụi, hơi dung môi hữu cơ, ...

- Bụi và khí thải từ hoạt động của lò gia nhiệt, máy phát điện dự phòng: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và CO.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và VOC.

- Các hơi khí độc hại như H<sub>2</sub>S; NH<sub>3</sub>; CH<sub>4</sub>... phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn.

### *3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

#### *3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 607kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ 424,9kg/ngày; chất thải có thể tái chế 60,7kg/ngày; chất thải có thể đốt cháy 60,7 kg/ngày; các chất thải tro khác 60,7 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 596,8tấn/năm, thành phần gồm: Phế phẩm từ đế giày, vụn cao su, sản phẩm lỗi,...

#### 3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ chai lọ hóa chất, hóa chất hết hạn, hư hỏng khoảng 12 tấn/năm; Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải 200kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại: dầu thải trung bình hàng tháng là 20 lít/tháng; dung dịch hóa chất dư thừa khoảng 100 lít/tháng.

#### 3.2.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Chất thải từ bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải khoảng 17,16 tấn/năm.

Định kỳ lấy mẫu phân tích bùn thải từ hệ thống XLNTTT để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu bùn thải không phải chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, giấy phép xử lý chất thải nguy hại định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

#### 3.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

### 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

##### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

##### a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân tay thu gom dẫn về bể lắng (dung tích 3,4m<sup>3</sup>, kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m; có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE chống thấm) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải nhà bếp thu gom và dẫn vào 01 bể gạn dầu mỡ dung tích 50 lít sau đó dẫn về bể lắng dung tích 3,4m<sup>3</sup> (cùng với nước vệ sinh tay chân) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): 0,42 m<sup>3</sup>/ngày xử lý bằng 2 nhà vệ sinh di động (kích thước: 2,5m x 1,3m x 1m; bể chứa chất thải 500 lít) đặt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

##### b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng 3,6 m<sup>3</sup>/ngày, thu gom và dẫn về hồ lắng có thể tích 4,5m<sup>3</sup> (kích thước D x R x H = 2x1,5x1,5m) được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể bố trí 1 phao quay thu vớt dầu) để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

*c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là Rộng x Sâu=50 x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1x1x1m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga. Nước mưa thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước của khu vực là mương xây phía Đông Nam giáp dự án.

#### **4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:**

- Tiến hành lắp dựng khoảng 140 m rào tôn, cao 2,5m ở ranh giới phía tiếp giáp với đường Thanh Niên.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường với số lượng, 2 bộ/người/năm.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường Thanh Niên và đường liên xã đoạn tiếp giáp dự án. Tần xuất tưới ẩm chống bụi 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền; Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại cổng ra vào công trường. Khu rửa xe bố trí với diện tích 40m<sup>2</sup>, bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công

trường trước khi ra khỏi công trường được phun nước rửa sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

#### **4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

##### **4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:**

###### **a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân để thu gom và lưu chứa rác thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

###### **b. Đối với chất thải rắn xây dựng:**

- Vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án. Vụn sắt, thép 13,8 tấn, bao bì ximăng 1,55 tấn thu gom tận dụng hoặc bán phế liệu.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

##### **4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

Trang bị 03 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 01 thùng chứa CTNH dạng lỏng và 02 thùng chứa CTNH dạng rắn). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

##### **4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:**

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao.

## 4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành:

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa của dự án có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra mương thoát nước của khu vực là mương xây phía Đông Nam giáp dự án.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn (15 m<sup>3</sup> và 100 m<sup>3</sup> tại khu nhà bảo vệ và nhà vệ sinh công nhân số 1, số 2). Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt thu gom bằng đường ống PVC và hố ga, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải làm mát máy (máy ép định hình), sản xuất đế giày cao su, eva đều được tuần hoàn, tái sử dụng và không thải ra môi trường.

- Nước sản xuất phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò gia nhiệt, nước thải từ quá trình làm nguội nguyên liệu đế giày cao su và nước thải từ quá trình giặt đế eva thu gom riêng, dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý cùng nước thải sinh hoạt (Quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để xử lý.

Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Tái sử dụng/thải ra mương thoát nước thải khu vực dọc đường Thanh Niên phía Đông Bắc dự án.

Xây dựng bể chứa nước sau xử lý phục vụ tái sử dụng, PCCC và bể sự cố có kích thước 15m\*8m\*3m, tổng thể tích 360m<sup>3</sup>, (chia làm 2 ngăn, 1 ngăn 180m<sup>3</sup> chứa nước sau xử lý và 1 ngăn 180m<sup>3</sup> chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống nước thải tập trung).

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thải công nghiệp, một phần tái

sử dụng tưới cây, đội nhà vệ sinh phần còn lại xả thải ra mương thoát nước thải dọc đường Thanh Niên phía Đông Bắc dự án.

#### 4.2.1.2 Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Khu vực xưởng sản xuất A:

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1: Xử lý bụi và khí thải khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva, theo quy trình xử lý: Chụp hút tại khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva → Quạt hút bụi (02 cái mỗi cái công suất 6kW, lưu lượng 5.000 m<sup>3</sup>/h) → Cyclon (02) → Buồng lọc bụi túi vải (01) → Buồng than hoạt tính (01) → Ống thoát khí đường kính D300mm, cao 12m.

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2: Hệ thống xử lý bụi khu vực mài đế, theo quy trình xử lý: Chụp hút tại khu vực mài đế eva → Quạt hút bụi (02 cái mỗi cái công suất 6kW, lưu lượng 5.000 m<sup>3</sup>/h) → Cyclon (02) → Buồng lọc bụi túi vải (01) → Ống thoát khí đường kính D300mm, cao 12m.

+ Khu vực xưởng sản xuất B:

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 3: hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva, quy trình như hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1.

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 4: hệ thống xử lý bụi khu vực mài đế, quy trình như hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2.

+ Khu vực xưởng sản xuất C:

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 5: hệ thống xử lý khí thải khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva, quy trình như hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1.

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải số 6: hệ thống xử lý bụi khu vực mài đế, quy trình như hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2.

+ Khu vực nhà nồi hơi:

Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 7: hệ thống xử lý bụi và khí thải lò gia nhiệt dầu tại nhà nồi hơi, theo quy trình xử lý: Quạt hút (Công suất 4kW, lưu lượng 3.000 m<sup>3</sup>/h) → Cyclon → Tháp hấp thụ → Ống khói đường kính D400mm, cao 22m.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố gas có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ ít nhất 20%.

#### **4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường**

- *Chất thải rắn sinh hoạt*

+ Trang bị và sử dụng 30 thùng rác loại 100 lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà điều hành và khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh, 60 thùng rác loại 20- 30lit có nắp đậy bố trí tại các phòng nhà điều hành, nhà nghỉ ca công nhân.

+ Yêu cầu CBCNV không được vứt rác bừa bãi, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại 2 lần/ngày về kho chứa CTR của dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Nguyên vật liệu dư thừa, sản phẩm lỗi: thu gom, xử lý theo yêu cầu của đơn vị đặt hàng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Lưu giữ tại kho chứa phế thải của Công ty có diện tích 341 m<sup>2</sup>. Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sản xuất với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định với tần suất theo tình hình thực tế của công ty, tuyệt đối không xả rác bừa bãi.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ lấy mẫu phân tích đánh giá để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu bùn thải không phải chất thải nguy hại, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

#### **4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại**

- Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 60 m<sup>2</sup>, bố trí ở khu vực khu xử lý nước thải, bên trong bố trí từ 04 thùng chứa (thể tích 500l) có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định

#### **4.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác**

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyên sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

#### 4.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 bể sự cố có thể tích khoảng 180m<sup>3</sup> với thời gian lưu nước thải của dự án trong 1,5 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hóa chất: thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

#### Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Tên công trình	Thông số	Số lượng
Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1, 3, 5	2 Cyclon đường kính 1,6m, cao 5,65m; 2 quạt hút tạo áp lực công suất 6kW, lưu lượng 5.000 m <sup>3</sup> /h; 02 Buồng lọc bụi túi vải (dài × rộng × cao = 2.100 × 2.400 × 4.100mm; 01 Buồng chứa than hoạt tính (dài × rộng × cao = 1.000 × 1.000 × 1.000 mm); Ống thoát	3 hệ thống

	khí D300mm, cao 12m.	
Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2, 4, 6	2 Cyclon đường kính 1,6m, cao 5,65m; 2 quạt hút tạo áp lực công suất 6kW, lưu lượng 5.000 m <sup>3</sup> /h; 01 Buồng lọc bụi túi vải (dài × rộng × cao = 2.100 × 2.400 × 4.100mm; Ống thoát khí D300mm, cao 12m.	3 hệ thống
Hệ thống xử lý bụi và khí thải số 7	2 Cyclon đường kính 0,64m, cao 2,3m; 2 quạt hút công suất 4kW, lưu lượng 3.000 m <sup>3</sup> /h; 01 tháp hấp thụ, đường kính tháp: D640mm); Công suất bơm nước dập bụi 0,55 KW; Ống khói D400mm, cao 22m.	1 hệ thống
Hệ thống thoát nước mưa	Chiều dài 1.750m	1 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Tổng công suất 30m <sup>3</sup> /ng.đ	1 hệ thống
Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Tổng công suất 150m <sup>3</sup> /ng.đ	1 hệ thống
Kho chứa CTNH	Diện tích 60m <sup>2</sup>	1 kho
Hệ thống PCCC	Theo thiết kế được thẩm duyệt	1 hệ thống
Hệ thống chống sét	Bán kính thu sét 120m	1 hệ thống

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương có tổng lưu lượng nước thải là 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc nước thải.

- Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án Nhà máy may Quảng Trạch tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH may Tùng Phương có tổng lưu lượng xả bụi, khí thải của các hệ thống là 66.000 m<sup>3</sup>/giờ thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

a. Quan trắc chất lượng khí thải:

- Tần xuất quan trắc: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: 07 vị trí gồm:
  - + KT1: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 1 khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva tại xưởng A;
  - + KT2: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 2 khu vực mài đế eva tại xưởng A;
  - + KT3: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 3 khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva tại xưởng B;
  - + KT4: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 4 khu vực mài đế eva tại xưởng B;
  - + KT5: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 5 khu vực trộn liệu sản xuất đế cao su và đế eva tại xưởng C;
  - + KT6: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải số 6 khu vực mài đế eva tại xưởng C;
  - + KT7: Ống khói sau hệ thống xử lý bụi và khí thải lò gia nhiệt.

Chỉ tiêu quan trắc:

- + Với vị trí KT1, KT3; KT5: Lưu lượng, Bụi tổng; 1,3-Butadien.
- + Với vị trí KT2, KT4; KT6: Lưu lượng, Bụi tổng;
- + Với vị trí KT7: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).
  - + QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu

sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.